

6. CẤU TRÚC CỦA CHƯƠNG TRÌNH DẠY NGÀNH LUẬT CLC

6.1. Thông tin chung:

- Số tín chỉ: 129 tín chỉ (Không bao gồm học phần Giáo dục Quốc phòng - An ninh và học phần Giáo dục thể chất).

- Thời gian đào tạo: 4 năm

6.2. Cấu trúc Chương trình dạy học:

a) **Khối kiến thức đại cương:** 31 tín chỉ, chiếm tỷ lệ 24% CTĐT, trong đó:

+ Kiến thức bắt buộc: 27 tín chỉ, chiếm tỷ lệ 20,9% CTĐT

+ Kiến thức tự chọn: 4 tín chỉ, chiếm tỷ lệ 3,1% CTĐT

b) **Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp:** 82 tín chỉ, chiếm tỷ lệ 63,6% CTĐT, trong đó:

+ Kiến thức bắt buộc: 65 tín chỉ, chiếm tỷ lệ 50,4% CTĐT

+ Kiến thức tự chọn: 17 tín chỉ, chiếm tỷ lệ 13,2% CTĐT

c) **Khối kiến thức tốt nghiệp:** 16 tín chỉ, chiếm tỷ lệ 12,4% CTĐT, trong đó:

+ Thực tập tốt nghiệp: 7 tín chỉ, chiếm tỷ lệ 5,4% CTĐT

+ Khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế: 9 tín chỉ, chiếm tỷ lệ 7% CTĐT.

6.3. Bảng các học phần trong Chương trình dạy học

Stt	Tên học phần	Mã HP	Loại HP	Số TC	Hình thức tổ chức Đạy – Học				ĐK tiên quyết
					Trên lớp		LVN	Tự học	
					Lý thuyết	Thảo luận			
I. KHỐI KIẾN THỨC ĐẠI CƯƠNG: 31 tín chỉ									
1.1. PHẦN BẮT BUỘC CHUNG: 27 tín chỉ									
1	Triết học Mác – Lênin	CLC.ĐB01	BB	3	24	10	6	5	
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	CLC.ĐB02	BB	2	16	7	4	3	CLC.ĐB01
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	CLC.ĐB03	BB	2	16	7	4	3	CLC.ĐB02
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	CLC.ĐB04	BB	2	16	7	4	3	CLC.ĐB03
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	CLC.ĐB05	BB	2	16	7	4	3	CLC.ĐB03
6	Nghề luật và phương pháp học luật	CLC.ĐB06	BB	2	12	8	5	5	
7	Tiếng Anh nâng cao	CLC.ĐB07	BB	3	18	12	8	7	
8	Tiếng Anh nghe nói nâng cao	CLC.ĐB08	BB	3	18	12	8	7	CLC.ĐB07
9	Tiếng Anh pháp lý cơ bản	CLC.ĐB09	BB	4	26	14	10	10	CLC.ĐB08
10	Tin học	CLC.ĐB10	BB	3	18	12	8	7	
11	Phương pháp điều tra xã hội học	CLC.ĐB11	BB	1	6	4	3	2	

Stt	Tên học phần	Mã HP	Loại HP	Số TC	Hình thức tổ chức Day - Học				ĐK tiên quyết
					Trên lớp		LVN	Tự học	
					Lý thuyết	Thảo luận			
1.2. PHẦN TỰ CHỌN: Chọn 4 tín chỉ									
12	Kinh tế vĩ mô	CLC.ĐC01	TC	2	12	8	5	5	
13	Quan hệ kinh tế quốc tế	CLC.ĐC02	TC	2	12	8	5	5	
14	Lịch sử văn minh thế giới	CLC.ĐC03	TC	2	12	8	5	5	
15	Đại cương văn hóa Việt Nam	CLC.ĐC04	TC	2	12	8	5	5	
16	Tâm lý đại cương	CLC.ĐC05	TC	2	12	8	5	5	
17	Logic học	CLC.ĐC06	TC	2	12	8	5	5	
18	Xã hội học pháp luật	CLC.ĐC07	TC	2	12	8	5	5	
19	Kinh tế học pháp luật	CLC.ĐC08	TC	2	12	8	5	5	
20	Tiếng Anh pháp lý nâng cao	CLC.ĐC09	TC	2	12	8	5	5	
II. KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP: 82 tín chỉ									
2.1. PHẦN BẮT BUỘC: 65 tín chỉ, gồm các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và kiến thức ngành; Thực tập nghề									
21	Lý luận về nhà nước và pháp luật	CLC.CB01	BB	4	26	14	10	10	
22	Lịch sử nhà nước và pháp luật	CLC.CB02	BB	2	12	8	5	5	
23	Luật hiến pháp Việt Nam	CLC.CB03	BB	4	24	16	10	10	
24	Xây dựng văn bản pháp luật	CLC.CB04	BB	2	12	8	5	5	CLC.CB01 CLC.CB03 CLC.CB05
25	Luật hành chính Việt Nam	CLC.CB05	BB	4	26	14	10	10	CLC.CB01 CLC.CB03
26	Luật hình sự 1	CLC.CB06	BB	3	18	12	8	7	CLC.CB01
27	Luật hình sự 2	CLC.CB07	BB	2	12	8	5	5	CLC.CB06
28	Luật tố tụng hình sự	CLC.CB08	BB	3	18	12	8	7	CLC.CB06 CLC.CB07
29	Tội phạm học	CLC.CB09	BB	2	12	8	5	5	CLC.CB06 CLC.CB07
30	Luật dân sự 1	CLC.CB10	BB	3	18	12	8	7	CLC.CB01
31	Luật dân sự 2	CLC.CB11	BB	2	12	8	5	5	CLC.CB10
32	Luật sở hữu trí tuệ	CLC.CB12	BB	2	12	8	5	5	CLC.CB10 CLC.CB11
33	Luật hôn nhân và gia đình	CLC.CB13	BB	2	12	8	5	5	CLC.CB10
34	Luật tố tụng dân sự	CLC.CB14	BB	3	18	12	8	7	CLC.CB10 CLC.CB11 CLC.CB13
35	Luật thương mại 1	CLC.CB15	BB	3	18	12	8	7	CLC.CB10
36	Luật thương mại 2	CLC.CB16	BB	2	12	8	5	5	CLC.CB15
37	Luật lao động	CLC.CB17	BB	3	18	12	8	7	CLC.CB11
38	Luật tài chính	CLC.CB18	BB	3	18	12	8	7	CLC.CB05

Stt	Tên học phần	Mã HP	Loại HP	Số TC	Hình thức tổ chức Đạy – Học				ĐK tiên quyết
					Trên lớp		LVN	Tự học	
					Lý thuyết	Thảo luận			
39	Luật đất đai	CLC.CB19	BB	3	18	12	8	7	CLC.CB05 CLC.CB11
40	Public International Law (<i>Công pháp quốc tế</i>)	CLC.CB20	BB	4	26	14	10	10	CLC.ĐB09C LC.CB03
41	Tư pháp quốc tế	CLC.CB21	BB	4	26	14	10	10	CLC.CB10
42	ASEAN Community Law (<i>Pháp luật cộng đồng ASEAN</i>)	CLC.CB22	BB	2	12	8	5	5	CLC.CB20
43	International Trade & Business Law (<i>Luật Thương mại quốc tế</i>)	CLC.CB23	BB	3	18	12	8	7	CLC.ĐB09C LC.CB16

2.2. PHẦN TỰ CHỌN: 17 tín chỉ, gồm các học phần thuộc khối kiến thức: Cơ sở ngành, chuyên ngành và kỹ năng (riêng các học phần giảng dạy bằng tiếng Anh chọn 13 tín chỉ).

2.2.2.1. Kiến thức cơ sở ngành

44	Comparative Law (<i>Luật học so sánh</i>)	CLC.CT01	TC	3	18	12	8	7	CLC.ĐB09C LC.CB01 CLC.CB03
----	---	----------	----	---	----	----	---	---	----------------------------------

2.2.2. Kiến thức chuyên ngành:

2.2.2.1. Chuyên ngành Pháp luật nhà nước và pháp luật hành chính

45	Tổ chức và hoạt động của toà án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân	CLC.CT02	TC	2	12	8	5	5	CLC.CB03
46	Comparative constitution law (<i>Luật hiến pháp so sánh</i>)	CLC.CT03	TC	2	12	8	5	5	CLC.ĐB09C LC.CB03
47	Luật tổ tụng hành chính	CLC.CT04	TC	2	12	8	5	5	CLC.CB05
48	Luật sư, công chứng, chứng thực	CLC.CT05	TC	2	12	8	5	5	CLC.CB05
49	Thanh tra, khiếu tố	CLC.CT06	TC	2	12	8	5	5	CLC.CB05
50	Fundamental Civil Rights in the Modern World (<i>Quyền dân sự cơ bản của người dân trong thế giới hiện đại</i>)	CLC.CT07	TC	2	12	8	5	5	CLC.ĐB09C LC.CB03

2.2.2.2. Chuyên ngành Pháp luật hình sự

51	International Criminal Law (<i>Luật hình sự quốc tế</i>)	CLC.CT08	TC	2	12	8	5	5	CLC.ĐB09C LC.CB07
52	Khoa học điều tra tội phạm	CLC.CT09	TC	2	12	8	5	5	CLC.CB08
53	Thủ tục đặc biệt trong tố tụng hình sự	CLC.CT10	TC	2	12	8	5	5	CLC.CB08
54	Tâm lý học tư pháp	CLC.CT11	TC	2	12	8	5	5	CLC.ĐC05
55	Tâm lý học tội phạm	CLC.CT12	TC	2	12	8	5	5	CLC.ĐC05

Stt	Tên học phần	Mã HP	Loại HP	Số TC	Hình thức tổ chức Đay – Học				ĐK tiên quyết
					Trên lớp		LVN	Tự học	
					Lý thuyết	Thảo luận			
56	Pháp luật về phòng chống tham nhũng	CLC.CT13	TC	2	12	8	5	5	
57	Luật thi hành án hình sự	CLC.CT14	TC	2	12	8	5	5	CLC.CB07
58	Tư pháp đối với người chưa thành niên	CLC.CT15	TC	2	12	8	5	5	CLC.CB07
2.2.2.3. Chuyên ngành Pháp luật dân sự									
59	Law on Security Devices (<i>Pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ</i>)	CLC.CT16	TC	2	12	8	5	5	CLC.ĐB09C LC.CB10
60	Pháp luật về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng chuyên sâu	CLC.CT17	TC	2	12	8	5	5	CLC.CB11
61	Luật La Mã	CLC.CT18	TC	2	12	8	5	5	CLC.CB01
62	Thủ tục đặc biệt trong tố tụng dân sự	CLC.CT19	TC	2	12	8	5	5	CLC.CB14
63	Luật thi hành án dân sự	CLC.CT20	TC	3	18	12	8	7	CLC.CB14
64	Luật nhà ở	CLC.CT21	TC	2	12	8	5	5	CLC.CB10 CLC.CB11
65	Comparative Contract Law (<i>Luật hợp đồng so sánh</i>)	CLC.CT22	TC	2	12	8	5	5	CLC.ĐB09C LC.CB11
66	Pháp luật về hợp đồng chuyên sâu	CLC.CT23	TC	3	18	12	8	7	CLC.CB11
67	Pháp luật về quyền nhân thân	CLC.CT24	TC	2	12	8	5	5	CLC.CB11
2.2.2.4. Chuyên ngành Pháp luật kinh tế									
68	Luật đầu tư	CLC.CT25	TC	2	12	8	5	5	CLC.CB11
69	Luật an sinh xã hội	CLC.CT26	TC	2	12	8	5	5	CLC.CB17
70	Luật ngân hàng	CLC.CT27	TC	3	18	12	8	7	CLC.CB18
71	Luật chứng khoán	CLC.CT28	TC	2	12	8	5	5	CLC.CB18
72	Luật kinh doanh bảo hiểm	CLC.CT29	TC	2	12	8	5	5	CLC.CB18
73	Luật cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	CLC.CT30	TC	2	12	8	5	5	CLC.CB11 CLC.CB16
74	Luật môi trường	CLC.CT31	TC	3	18	12	8	7	CLC.CB05
75	Pháp luật về kinh doanh bất động sản	CLC.CT32	TC	2	12	8	5	5	CLC.CB19
76	Pháp luật về thu hồi đất, bồi thường và giải phóng mặt bằng	CLC.CT33	TC	2	12	8	5	5	CLC.CB19
77	Pháp luật tài chính doanh nghiệp	CLC.CT34	TC	2	12	8	5	5	CLC.CB16 CLC.CB18
2.2.2.5. Chuyên ngành Pháp luật quốc tế và thương mại quốc tế									

Stt	Tên học phần	Mã HP	Loại HP	Số TC	Hình thức tổ chức Dạy - Học				ĐK tiên quyết
					Trên lớp		LVN	Tự học	
					Lý thuyết	Thảo luận			
78	Modern International Law of the Sea (<i>Luật biển quốc tế hiện đại</i>)	CLC.CT35	TC	3	18	12	8	7	CLC.CB20
79	Pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế về quyền con người	CLC.CT36	TC	3	18	12	8	7	CLC.CB20
80	Pháp luật về điều ước quốc tế	CLC.CT37	TC	2	12	8	5	5	CLC.CB20
81	Pháp luật về đấu thầu	CLC.CT38	TC	2	12	8	5	5	CLC.CB23
82	Pháp luật vận chuyển hàng hải quốc tế	CLC.CT39	TC	2	12	8	5	5	CLC.CB21
83	Pháp luật vận chuyển hàng không quốc tế	CLC.CT40	TC	2	12	8	5	5	CLC.CB21
84	Law on Commercial Arbitration (<i>Pháp luật về trọng tài thương mại</i>)	CLC.CT41	TC	3	18	12	8	7	CLC.ĐB09C LC.CB21
85	PL hải quan trong kinh doanh xuất nhập khẩu	CLC.CT42	TC	2	12	8	5	5	CLC.CB21
86	Pháp luật liên minh châu Âu	CLC.CT43	TC	3	18	12	8	7	CLC.CB20
87	WTO Law (<i>Luật WTO</i>)	CLC.CT44	TC	2	12	8	5	5	CLC.ĐB09C LC.CB20CL C.CB23
88	International Investment Law (<i>Luật đầu tư quốc tế</i>)	CLC.CT45	TC	2	12	8	5	5	CLC.ĐB09C LC.CB20CL C.CB23
89	Law on International Franchising (<i>Luật nhượng quyền thương mại QT</i>)	CLC.CT46	TC	2	12	8	5	5	CLC.ĐB09C LC.CB16
90	Law on International Commercial Alternative Dispute Resolution (<i>Pháp luật về các phương thức giải quyết tranh chấp thay thế trong thương mại QT</i>)	CLC.CT47	TC	2	12	8	5	5	CLC.ĐB09C LC.CB23
91	Pháp luật về mua bán và sáp nhập doanh nghiệp xuyên biên giới	CLC.CT48	TC	2	12	8	5	5	CLC.CB23
2.2.3. Các học phần kỹ năng									
92	Kỹ năng chung về tư vấn pháp luật	CLC.CT49	TC	2	12	8	5	5	
93	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hành chính	CLC.CT50	TC	2	12	8	5	5	CLC.CB05 CLC.CT49

Stt	Tên học phần	Mã HP	Loại HP	Số TC	Hình thức tổ chức Day - Học				ĐK tiên quyết
					Trên lớp		LVN	Tự học	
					Lý thuyết	Thảo luận			
94	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hình sự	CLC.CT51	TC	2	12	8	5	5	CLC.CB07 CLC.CT49
95	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực dân sự	CLC.CT52	TC	2	12	8	5	5	CLC.CB11 CLC.CT49
96	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình	CLC.CT53	TC	2	12	8	5	5	CLC.CB13 CLC.CT49
97	Kỹ năng tư vấn trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ	CLC.CT54	TC	2	12	8	5	5	CLC.CB12 CLC.CT49
98	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực thương mại	CLC.CT55	TC	2	12	8	5	5	CLC.CB11 CLC.CB16 CLC.CT49
99	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực lao động	CLC.CT56	TC	3	18	12	8	7	CLC.CB17 CLC.CT49
100	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực đất đai	CLC.CT57	TC	3	18	12	8	7	CLC.CB19 CLC.CT49
101	Kỹ năng tư vấn pháp luật thuế, tài chính doanh nghiệp	CLC.CT58	TC	2	12	8	5	5	CLC.CB16 CLC.CB18 CLC.CT49
102	Kỹ năng tham gia giải quyết các vụ án hành chính	CLC.CT59	TC	2	12	8	5	5	CLC.CT05
103	Kỹ năng thực hành một số hoạt động trong tổ tụng hình sự	CLC.CT60	TC	3	18	12	8	7	CLC.CB08
104	Kỹ năng tham gia giải quyết các vụ án dân sự	CLC.CT61	TC	3	18	12	8	7	CLC.CB14
105	Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính thông dụng	CLC.CT62	TC	2	12	8	5	5	CLC.CB05
106	Hệ thống hóa văn bản pháp luật	CLC.CT63	TC	2	12	8	5	5	CLC.CB04
107	Đánh giá tác động chính sách trong xây dựng pháp luật	CLC.CT64	TC	2	12	8	5	5	CLC.CB04
108	Legal reasoning and writing skills (<i>Kỹ năng lập luận và viết dành cho nghề luật</i>)	CLC.CT65	TC	2	12	8	5	5	CLC.ĐB09C LC.CB01
109	Presentation skills for lawyer in adversarial context (<i>Kỹ năng tranh tụng của nghề luật</i>)	CLC.CT66	TC	2	12	8	5	5	CLC.CT65

Stt	Tên học phần	Mã HP	Loại HP	Số TC	Hình thức tổ chức Day – Học				ĐK tiên quyết
					Trên lớp		LVN	Tự học	
					Lý thuyết	Thảo luận			
110	Cases Studies and Analysis (<i>Kỹ năng nghiên cứu và phân tích án lệ</i>)	CLC.CT67	TC	2	12	8	5	5	CLC.ĐB09 CLC.CB01
111	Moot Court Competition in International Trade and Business Law (<i>Kỹ năng diễn án giả tưởng trong lĩnh vực thương mại quốc tế</i>)	CLC.CT68	TC	2	12	8	5	5	CLC.ĐB09 CLC.CB14 CLC.CB23

KHỐI KIẾN THỨC TỐT NGHIỆP: 16 tín chỉ

Viết Khóa luận tốt nghiệp; thực tập chuyên môn; đăng ký học và thi các học phần tự chọn thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp thay cho khóa luận tốt nghiệp

1. Đi thực tập chuyên môn có khối lượng bằng 7 tín chỉ (bắt buộc, tương đương 315 giờ thực tập tại cơ sở).
2. Viết Khóa luận tốt nghiệp: Áp dụng cho sinh viên đủ điều kiện theo quy định của Trường (9 tín chỉ).
3. Sinh viên không đủ điều kiện viết Khóa luận tốt nghiệp hoặc không có nguyện vọng viết Khóa luận tốt nghiệp phải đăng ký học và thi các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 9 tín chỉ

7. TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO: 129 tín chỉ (Tối đa 8 học kỳ)

Học kỳ (Tổng TC)	Học phần	Mã HP	Đợt học trong HK	Số TC	Loại HP	ĐK tiên quyết	Ghi chú
HK1 19 TC	Triết học Mác - Lênin	CLC.ĐB01	Đợt 1-3	3	BB		
	Nghề luật và phương pháp học luật	CLC.ĐB06	Đợt 2	2	BB		
	Tin học	CLC.ĐB10	Đợt 1-3	3	BB		
	Tiếng Anh nâng cao	CLC.ĐB07	Đợt 1-3	3	BB		
	Lý luận về nhà nước và pháp luật	CLC.CB01	Đợt 1-3	4	BB		
	Luật hiến pháp Việt Nam	CLC.CB03	Đợt 1-3	4	BB		
HK2 18 TC	Giáo dục thể chất			3	BB		
	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	CLC.ĐB02	Đợt 1	2	BB	CLC.ĐB01	
	Chủ nghĩa xã hội khoa học	CLC.ĐB03	Đợt 2	2	BB	CLC.ĐB02	
	Phương pháp điều tra xã hội học	CLC.ĐB11	Đợt 3	1	BB		
	Tiếng Anh nghe nói nâng cao	CLC.ĐB08	Đợt 1-3	3	BB	CLC.ĐB07	
	Luật hành chính Việt Nam	CLC.CB05	Đợt 1-3	4	BB	CLC.CB01 CLC.CB03	
	Luật hình sự 1	CLC.CB06	Đợt 1	3	BB	CLC.CB01	
Luật dân sự 1	CLC.CB10	Đợt 1-3	3	BB	CLC.CB01		
HK3 17 TC	Giáo dục Quốc phòng-An ninh			8	BB		
	Tiếng Anh pháp lý cơ bản	CLC.ĐB09	Đợt 1-3	4	BB	CLC.ĐB08	
	Lịch sử nhà nước và pháp luật	CLC.CB02	Đợt 3	2	BB		
	Luật thương mại 1	CLC.CB15	Đợt 1-3	3	BB	CLC.CB10	
	Luật hình sự 2	CLC.CB07	Đợt 1-3	2	BB	CLC.CB06	
	Luật dân sự 2	CLC.CB11	Đợt 3	2	BB	CLC.CB10	
	Các học phần tự chọn: 4 TC của khối kiến thức giáo dục đại cương						
HK4 16 TC	Xây dựng văn bản pháp luật	CLC.CB04	Đợt 1	2	BB	CLC.CB01 CLC.CB03 CLC.CB05	
	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	CLC.ĐB05	Đợt 1	2	BB	CLC.ĐB03	
	Tư tưởng Hồ Chí Minh	CLC.ĐB04	Đợt 3	2	BB	CLC.ĐB03	
	Luật tố tụng hình sự	CLC.CB08	Đợt 1-3	3	BB	CLC.CB06 CLC.CB07	
	Luật hôn nhân và gia đình	CLC.CB13	Đợt 2	2	BB	CLC.CB10	
	Tội phạm học	CLC.CB09	Đợt 1	2	BB	CLC.CB06 CLC.CB07	
	Luật thương mại 2	CLC.CB16	Đợt 3	2	BB	CLC.CB15	
Luật tài chính	CLC.CB18	Đợt 1-3	3	BB	CLC.CB05		
HK5	Luật sở hữu trí tuệ	CLC.CB12	Đợt 2	2	BB	CLC.CB10 CLC.CB11	

Học kỳ (Tổng TC)	Học phần	Mã HP	Đợt học trong HK	Số TC	Loại HP	ĐK tiên quyết	Ghi chú
15 TC	Luật tố tụng dân sự	CLC.CB14	Đợt 1-3	3	BB	CLC.CB10 CLC.CB11 CLC.CB13	
	Public International Law	CLC.CB20	Đợt 1-3	4	BB	CLC.ĐB09 CLC.CB03	
	Luật lao động	CLC.CB17	Đợt 1-3	3	BB	CLC.CB11	
	Luật đất đai	CLC.CB18	Đợt 1-3	3	BB	CLC.CB05 CLC.CB11	
HK6 17 TC	Tư pháp quốc tế	CLC.CB21	Đợt 1-3	4	BB	CLC.CB10	
	ASEAN Community Law	CLC.CB22	Đợt 1	2	BB	CLC.CB20	
	International Trade & Business Law	CLC.CB23	Đợt 1-3	3	BB	CLC.ĐB09 CLC.CB16	
	Các học phần tự chọn: 08 TC của khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp						
HK7 16 TC	Thực tập chuyên môn: 7 TC bắt buộc						
	Các học phần tự chọn: 9 TC của khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp						
HK8 9 TC	Viết Khóa luận tốt nghiệp: Áp dụng cho sinh viên đủ điều kiện theo quy định của Trường (9 tín chỉ).						
	Sinh viên không đủ điều kiện viết Khóa luận tốt nghiệp hoặc không có nguyện vọng viết Khóa luận tốt nghiệp phải đăng ký học và thi các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 9 tín chỉ						